

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Đức Kỳ

2. Ông Lê Quốc Thới

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Võ Thái H, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Về hôn nhân: Vào năm 1990 bà và ông Võ Thái H chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu bà và ông H chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây bà và ông H thường xuyên xảy ra chuyện bất hòa với nhau về quan niệm sống. Đến nay bà xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà với ông H đã rạn nứt, không thể hàn gắn được nữa nên bà xin được ly hôn với ông Võ Thái H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Võ Thái H có 03

người con chung, gồm: Võ Yến Nh, sinh ngày 08/8/1991; Võ Vũ Tr, sinh ngày 16/12/1992 và Võ Anh Th, sinh ngày 08/9/2008, hiện cháu Nh và cháu Tr đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Th còn nhỏ đang chung sống cùng vợ chồng bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu cháu Th có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Võ Thái H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Võ Thái H không có nợ thu, nợ trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 14/8/2020 bị đơn là ông Võ Thái H trình bày:* Ông thống nhất về hôn nhân theo trình bày của bà Nguyễn Thị H. Nay, xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà H yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Nguyễn Thị H có 03 người con chung, gồm: Võ Yến Nh, sinh ngày 08/8/1991; Võ Vũ Tr, sinh ngày 16/12/1992 và Võ Anh Th, sinh ngày 08/9/2008, hiện cháu Nh và cháu Tr đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Th còn nhỏ đang chung sống cùng vợ chồng ông bà. Sau khi ly hôn, ông thống nhất cháu Th có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu, nợ trả: Ông và bà Nguyễn Thị H không có nợ thu, nợ trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thái H là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Võ Thái H vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thái H tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1990, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống với nhau bà H và ông H đều thừa nhận có những mâu thuẫn không tự hàn gắn được, không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên bà H yêu cầu ly hôn và ông H đồng ý (tại Biên bản hòa giải ngày 14/8/2020). Xét thấy, bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thái H tự nguyện thuận tình ly hôn, tuy nhiên do bà H và ông H chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà H và ông H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thái H có 03 người con chung, gồm: Võ Yến Nh, sinh ngày 08/8/1991; Võ Vũ Tr, sinh ngày 16/12/1992 và Võ Anh Th, sinh ngày 08/9/2008, hiện cháu Nh và cháu Tr đã trưởng thành và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Th còn nhỏ đang chung sống cùng vợ chồng ông bà. Sau khi ly hôn, bà H và ông H thống nhất cháu Th có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Võ Anh Th ngày 28/8/2020 cháu Th có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện của cháu Th, giao cháu Võ Anh Th cho Bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, ông Võ Thái H không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con tên Võ Yến Nh và con tên Võ Vũ Tr đã trưởng thành và lập gia đình, Bà H và ông H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thái H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thái H thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thái H.

2. Về con chung: Giao con tên Võ Anh Th, sinh ngày 08/9/2008 cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Ông Võ Thái H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Thái H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Nguyễn Thị H.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thái H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thái H thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị H phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005594 ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Thái H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền